

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51 /2007/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 18 tháng 12 năm 2007

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định giá các loại đất năm 2008  
trên địa bàn huyện Lâm Hà - tỉnh Lâm Đồng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ Về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2007/NQ-HĐND ngày 05/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII - Kỳ họp thứ 10 về khung giá tối đa, tối thiểu và mức giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (áp dụng từ ngày 01/01/2008).

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2221/TTr-STC-GCS ngày 14 tháng 12 năm 2007,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1.**

1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Lâm Hà, để:

1.1. Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

1.2. Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;

1.3. Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

1.4. Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định, tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

1.5. Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

1.6. Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

1.7. Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá quy định tại Quyết định này.

3. Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà có trách nhiệm xây dựng phương án điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn huyện Lâm Hà gửi Sở Tài chính (chủ trì), Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và Cục Thuế thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong các trường hợp sau:

1. Khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thay đổi mục đích sử dụng đất, loại đô thị, loại đường phố và vị trí đất làm cho giá đất tại đó biến động.

2. Khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

### **Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2008 và thay thế Quyết định số 3736/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn huyện Lâm Hà - tỉnh Lâm Đồng.

2. Các trường hợp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nếu chưa được giải quyết thì thực hiện theo Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Lâm Hà; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /-g

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH và Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Đức Hòa**

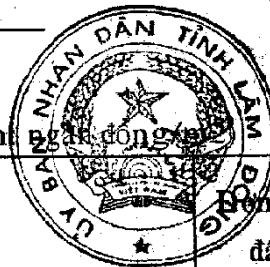
- Nếu bạn muốn gửi tài liệu in đi xa  
- Hay bạn có tài liệu muốn chia sẻ với mọi người  
- Không cần scan, chỉ cần Fax vào số (04) 275.45.11  
Tài liệu sẽ được số hoá thành file (như file này) ngay sau  
khi bạn Fax tài liệu xong và chúng tôi sẽ gửi lại file tài liệu  
cho bạn.

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2008**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LÂM HÀ**

(Kèm theo Quyết định số 54 /2007/QĐ-UBND ngày 18 /12/2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ.**

(Đơn vị tính: m<sup>2</sup>/đất)



STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
<b>I</b>	<b>THỊ TRẤN ĐÌNH VĂN</b>	
1	Quốc lộ 27	
	Từ Bình Thạnh đến cống Xoan	300
	Từ cống Xoan đến ngã 3 Gia Thạnh	444
	Từ ngã 3 Gia Thạnh đến ngã ba Đoàn Kết (thửa số 161 - tờ bản đồ 69)	600
	Từ ngã ba Đoàn kết - đường vào tổ 4 Văn Tâm (thửa số 367, TĐĐ 63)	1.080
	Từ đường vào tổ 4 Văn Tâm đến cầu cổ Gia	1.200
	Từ cầu cổ gia đến ngã 3 bưu điện Huyện	1.680
	Từ ngã ba bưu điện đến ngã tư Quyền lượng hết đất ông Thắng ( tờ 61, thửa 366)	2.040
	Từ hết đất ông Thắng ( tờ 61, thửa 366) đến hết đất bà K'Duyên ( tờ 61, thửa 199)	2.400
	Từ hết đất bà K'Duyên (tờ 61, thửa 199) đến cống Kiểm Lâm	2.040
	Từ cống Kiểm Lâm đến hết đất Hà khoa (thửa 103, tờ bản đồ 59)	2.040
	Từ Hà khoa (thửa 103, tờ bản đồ 59) đến ngã ba (Đại lý vật liệu Lâm Hà- thửa 222, TĐĐ 56)	1.200
	Từ Ngã ba (Đại lý vật liệu Lâm Hà- thửa 222, TĐĐ 56) đến giáp Đa Đồn	1.080
2	Tỉnh Lộ 725	
	Từ ngã 3 Sơn Hà đến cống hết đất ông Trường (thửa số 1077, TĐĐ số 58)	840
	Từ hết đất ông Trường (thửa số 1077, TĐĐ số 58) đến cầu Tân Văn	600
3	Đường Đình Văn – Ba Cánh	
	Từ ngã 3 Quảng Đức đến hết trường TH Đình Văn V	960
	Từ hết TH Đình Văn V tới ngã ba (Nhà ông Miên thửa số 12, TĐĐ số 71)	780
	Từ ngã 3 nhà ông Miên (thửa số 12, TĐĐ số 71) đến cống ông Hữu (thửa số 46, TĐĐ số 76)	600
	Từ cống ông Hữu (thửa số 46, TĐĐ số 76) đến hết đất ông Thành (T cấp III) thửa số 270, TĐĐ số 82)	480
	Từ hết đất ông Thành (thửa số 270, TĐĐ số 82) đến ngã 3 chợ Hòa Lạc	240
	Từ ngã 3 chợ Hòa Lạc đến cầu Hòa Lạc	156
	Từ cầu Hòa Lạc đến giáp Đức Trọng	96

9

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
4	Đường nội TDP xoan Đả Huỳnh	48
5	Các nhánh của tuyến đường 27	
5.1	Từ nhà ông Thông kiểm lâm (thửa số 116, TBD số 78) gia thanh đến hết đường	48
5.2	Từ quán ông Tâm Gia Thanh (thửa số 107, TBD số 78) đến hết đường	96
5.3	Từ ngã 3 Gia Thanh đến hết đường	
	Từ ngã 3 Gia Thanh đến cống N1-11	180
	Từ cống N1 đến ngã 4 xạc bình	144
5.4	Đường từ Cầu Đường đến Đình Văn – Ba Cánh	
	Từ Cầu Đường - kênh N1 – 11	120
	Từ N1 – 11 đến hết đường	90
5.5	Đường từ nhà bà Gléo (thửa số 493, TBD số 69) thôn 2 đến hết đường	72
5.6	Đường từ nhà ông Hường (thửa số 201, TBD số 68) đến hết đường	120
5.7	Đường từ nhà ông Tú (thửa số 121, TBD số 68) đến hết đường	120
5.8	Đường từ nhà ông Thìn (thửa số 74, TBD số 68) đến hết đường	96
5.9	Đường từ VLXD Mai Toàn (thửa số 556, TBD số 63) đến hết đường	96
5.1	Đường từ cầu Cổ Gia đến hết nhà ông Lộc ( thửa số 401, TBD số 63)	48
5.1	Đường từ nhà bà Nhuận (bưu điện) thửa số 463, TBD số 62 đến nhà ông Tấu (thửa số 123, TBD số 66)	
	Từ QL 27 đến hết đất ông Hòa (thửa số 26, TBD số 66)	144
	Còn lại	96
5.1	Đường xung quanh hồ trước UBND Huyện	
	Từ QL27 đến ngã 3 vào TDP Se Nhắc	1.440
	Từ ngã ba TDP Se Nhắc đến ngã ba (quán photo) thửa số 629, TBD số 61	1.080
5.1	Từ hết quán phô tô (thửa số 629, TBD số 61) đến hết đường	180
5.1	Từ trụ sở Thanh tra Huyện đến hết đất ông Vũ Quang Thành ( Thửa 162 tờ 66)	180
5.1	Đường từ đại lý Bình (thửa số 130, TBD 61)Bồ Liêng đến hết đường	120
5.1	Đường từ ngã 4 Long Hương (thửa số 324, TBD số 59) đến sông Đa Đồn	
	Từ QL 27 đến hết đất bà Xuân (thửa số 86, TBD số 61)	180
	Còn lại	120
5.1	Đường nội khu phố Cô Ya	60
5.1	Đường từ nhà ông Quý (QL 27) thửa số 140, TBD số 68 vào hết TDP Ri Ông Se	
	Từ kênh N1 – 9 - hết đất nhà ông Sỹ (thửa số 304, TBD số 21)	120

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	Còn lại	90
5.1	Đường từ nhà ông Chiến (thửa số 424, TBD số 68) đến đập tràn	120
5.2	Đường từ nhà bà Phương (Thửa 17, TBD 64) đến hết đường vào đội độc lập tổ 6 Văn tâm	108
5.2	Đường từ QL27 đi đập tràn	
	Từ hết đất ông Kim (QL27) Thửa số 83, TBD số 64 đến ngã 4	180
	Từ ngã 4 đến đập tràn	120
5.2	Đường từ nhà ông Ba cà phê (thửa số 582, TBD số 63) đến đường đi đập tràn (thửa số 02, TBD số 63)	120
5.2	Đường từ nhà ông Niên (thửa số 349, TBD số 62) đến giáp đất ông Cảnh (thửa số 196, TBD số 62)	180
5.2	Đường từ ngã Ba bưu điện – Kênh tiêu	360
5.2	Đường từ nhà ông Cao Xuân Trường (TBD62, thửa 101) đến nhà ông Hoà	144
5.2	Đường từ hết đất bà Việt (thửa số 245, TBD số 62) đến mương tiêu	360
5.2	Đường từ VLXD Sang (thửa số 150, TBD số 62) đến mương tiêu	480
5.2	Đường từ quán Quyền Lương (thửa số 65, TBD số 62) đến mương tiêu (phía đông chợ Lâm Hà)	960
5.2	Đường từ ngân hàng đến mương tiêu	600
5.3	Đường từ ngã 4 Long Hương (thửa số 266, TBD số 59) đến ruộng khu phố	240
5.3	Đường từ VLXD Lâm Hà đến hết đường vào xóm ông Du Hành	150
5.3	Đường từ nhà ông Trác (thửa số 01, TBD số 56) (giáp Trại giống) đến nghĩa tràng dân tộc TDP Bồ Liêng-Se nhắc	
	Từ hết đất nhà ông Dui đến cống N1-1	180
	Cống N1-1 đến nghĩa tràng dân tộc	90
5.3	Đường từ ngã ba bệnh viện đi Đoàn kết	
	Từ hết nhà ông Hiện QL27 đến cống N1-9	240
	Cống N1-9 đến ngã ba nhà ông Tống Văn Dũng (thửa 400, TBD 27)	180
	Còn lại	48
5.3	Đường đi xã Nam Hà	
	Từ hết đất nhà ông Lê Văn Báy, cây số 15 đến nghĩa tràng TT Đình Văn	120
	Còn lại	48
5.3	Đường từ ngã ba TDP Sre nhắc đến hết đất nhà ông Phạm Mậu (TBD 61, thửa 790)	120
6	Đường nhánh của đường Đình Văn – Ba Cánh	
6.1	Đường từ nhà ông Trần Đình Hạ (thửa 297 TBD67) - hết đường	144
6.2	Đường từ tiểu học ĐV 5 đến hết đường	144
6.3	Đường từ nhà ông Đình Văn Tiến (thửa 331, TBD 67) đến hết đường	144

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
6.4	Đường từ nhà ông Nguyễn Quang Việt (thửa 235, TBD 67) đến hết đường	144
6.5	Đường từ nhà ông Miên (thửa số 12, TBD số 71) đến hết đường	108
6.6	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyên (thửa 257, TBD 67) đến hết đường	144
6.7	Đường từ nhà Khưu thị Hữu ( thửa 317, TBD 68) đến hết đường	144
6.8	Đường từ nhà ông Nguyễn Long (thửa 345, TBD 68) đến hết đường	144
6.9	Đường từ nhà bà Lê Thị Hậu (thửa 369, TBD 68) đến hết đường	144
6.10	Đường từ nhà ông Phương (thửa số 196, TBD số 71) đến hết đường	144
6.11	Đường từ cổng ông Hữu (thửa số 46, TBD số 76) đến hết thôn 5	
	Từ cổng ông Hữu (thửa số 46, TBD số 76) đến hết đất nhà ông Tài (thửa số 407, TBD số 20)	120
	b. Từ nhà ông Tài (thửa số 407, TBD số 20) đến hết đất ông Tư Sài Gòn (thửa số 158, TBD số 12)	72
	Từ cổng nhà ông Tư Sài Gòn (thửa số 158, TBD số 12) đến sông Đa Dâng	48
6.1	Từ nhà ông Vinh (thửa số 118, TBD số 76) đến nhà K'hai (thửa số 135, TBD số 76) TDP Văn Hà	72
6.1	Từ nhà ông Diệu (thửa số 171, TBD số 83) đến hết đường	72
6.1	Đường từ nhà ông Đỗ Văn Dũng (thửa 46, TBD 83) đến hết đường	72
6.11	Đường nội KP Pót Pe	48
6.11	Đường từ đất ông Hậu (thửa số 83, TBD số 63) (cổng N1/10) đến hết đường	96
6.11	Đường từ quán ông Vinh (thửa số 56, TBD số 88) đến hết đất ông Lóng (thửa số 162, TBD số 90)	72
6.11	Đường nội TDP Hòa Lạc	48
6.11	Đường từ ngã tư xạc bình đến Quán ông Hữu Anh (thửa số 303, TBD số 86) (đường nội thôn 6)	72
6.21	Đường nội khu phố Đa Ra Măng đến Bang Pung	48
<b>E</b>	<b>THỊ TRẤN NAM BAN</b>	
1	Đất dọc đường tỉnh lộ 725	
1.1	Từ giáp xã Mê Linh đến ngã 3 đi trường tiểu học Từ Liêm	300
1.2	Từ ngã 3 đường vào trường tiểu học Từ Liêm đến ngã 3 đi trường THCS Từ Liêm	480
1.3	Từ trường THCS Từ Liêm đến ngã ba đường đi Đông Anh II (cổng nhà văn hóa TDP Đông Anh II)	720
1.4	Từ ngã 3 đường Đông Anh II (ông Viên) đến trạm biến thế điện TT Nam	1.440
1.5	Từ trạm biến thế điện đến ngã 4 đường đi vào khu Chi Lăng – Thành Công (ngã tư nông trường 4 cũ)	720

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá
1.6	Từ ngã 4 (nông trường 4 cũ) đến trụ sở UBND TT Nam Ban huyện Krong An ba cổng TDP văn hoá Ba Đình)	840
1.7	Từ ngã 3 cổng TDP văn hoá Ba Đình đến Gia Lâm	1.200
2	Đất trục đường liên xã	
2.1	Ngã 3 Đông Từ đến ngã 4 Hùng Vương.	60
2.2	Từ ngã 4 Hùng Vương đến giáp xã Đông Thanh.	48
2.3	Đoạn từ ngã 4 NT4 cũ đến ngã 3 đường vào xóm Hà Bắc (Chi Lăng III).	84
2.4	Từ ngã 3 vào xóm Hà Bắc Chi Lăng 3 đến ngã 3 Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi)	72
2.5	Từ ngã 3 Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi) đến dốc võng (giáp xã Nam Hà).	60
2.6	Từ bùng binh đường ĐT 725 đến cổng chùa Linh Ẩn.	300
2.7	Từ cổng chùa Linh Ẩn đến đỉnh dốc công an (Đường xuống thác voi)	144
2.8	Từ đỉnh dốc công an (đường xuống thác voi) đến ngã 3 đường tới ngã 3 Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi)	72
3	Đất cạnh đường liên thôn khu TDP	
3.1	Đường từ ngã 3 ĐT 725 đến trường tiểu học Từ Liêm.	48
3.2	Từ trường tiểu học Từ Liêm đến hồ Từ Liêm.	36
3.3	Đường từ ngã 4 Hùng Vương đến cầu Đông Anh 3.	36
3.4	Đường từ ngã 3 Đông Anh II (Nhà ông Viên) đến ngã 4 Hùng Vương đi Đông Anh III	60
3.5	Đường từ ngã 3 (cổng nhà văn hóa TDP Đông Anh I xuống sinh 78 Đông Anh 1) đến trường tiểu học Nam Ban II	72
3.6	Đường từ tiểu học Nam Ban II đến hồ Bãi Công TDP Thành Công.	36
3.7	Đường từ sau chợ Thăng Long cạnh nhà bà Đình (thửa số 451, TĐĐ số 8) tới ngã ba giáp đất nhà ông Bùi Đức An, Đông Anh II	36
3.8	Đường từ ngã ba đối diện cổng trường tiểu học Nam Ban I đường liên khu Trưng vương – Thăng Long đến cổng vào TDP văn hóa Trưng Vương (phần viện Nam Ban).	36
3.9	Đường từ ngã 3 Chi Lăng I giáp đường xuống hồ Bãi Công đến hồ Bãi Công – Thành Công.	36
3.10	Đường từ ngã 4 vào trường mầm non II đến chùa Linh Ẩn (đường liên khu Ba Đình).	48
3.11	Đường từ TDP văn hoá Ba Đình vào trường THPT Thăng Long	180
3.12	Đường từ ngã tư Nông trường 4 cũ đến cầu Thanh trì (giáp xã Đông Thanh)	36
3.13	Đường từ ngã ba cổng văn nhà văn hoá TDP Bạch Đằng đến ngã 3 đường liên TDP Bạch Đằng - Thăng Long	36



STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
3.14	Đường từ ngã ba vào xóm Hà Bắc đến giáp xã Mê Linh	36
3.15	Đường từ ngã ba nhà ông Hữu (thửa 79, tờ BD 19) đến ngã ba đi xóm Hà bắc cạnh Nhà trẻ TDP Chi Lăng III)	36
3.16	Đường từ hồ Bãi công đến giáp xã Mê Linh	36
3.17	Đường từ ngã ba (sân bóng Chi Lăng II- III) đến ngã ba đường đi Nam Hà	36
3.18	Đường từ ngã ba nhà ông Sắc đến ngã ba giáp đất nhà ông An Đông Anh II	60
3.19	Đường từ ngã ba giáp đất nhà ông An Đông Anh II đến giáp xã Đông Thanh	54
3.20	Đường từ ngã ba giáp đất ông Luân - Hiệp đến hồ Từ Liêm	60
3.21	Đường từ ngã ba trường THCS Từ Liêm đến ngã ba đi Đông Anh I, hồ Từ Liêm	60
3.22	Đường từ hồ Từ Liêm đến đường liên TDP Đông Anh I	54
3.23	Đường từ ngã ba giáp quán sửa xe ông Cấn Đình Dũng đến trường TH Nam Ban II	84
3.24	Đường ngã ba giáp đất nhà ông Hễ (thửa số 137, TĐĐ31) đến ngã ba giáp đất nhà ông Tuyển (thửa số 182, TĐĐ 31)	54
3.25	Đường từ ngã ba nhà văn hoá Bạch đằng đến Sinh 78 khu Đông Anh I	48

#### B. LƯỚI Ở TẠI NÔNG THÔN.

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
<b>I XÃ TÂN VĂN.</b>		
1	Khu vực 1	
1.1	Đường ĐT 725	
	Từ cầu Tân Văn đến ngã ba trại giống	1.200
	Từ nhà ông Lễ (Thửa số 923, TĐĐ 16) tới cầu cơ giới	840
	Từ cầu cơ giới tới ngã ba nghĩa trang xã Tân Văn	360
	Từ nghĩa trang xã Tân Văn trụ sở thôn Tân Thành (thửa số 32; TĐĐ 41)	120
	Từ trụ sở thôn Tân Thành (thửa số 32; TĐĐ 41) tới ngã ba Phúc Tân - Tân Hà	360
1.2	Đường đi xã Phúc Thọ	
	Từ Trạm xá Tân Văn tới ngã ba đi Tân Lin	720
	Từ ngã ba đi Tân Lin tới ngã ba Tân Hoà	360
	Từ ngã ba Tân Hoà tới ngã ba Tân Đức	288
	Từ ngã ba Tân Đức tới ngã ba Tân Thuận.	180

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá
	Từ ngã Ba Tân Thuận tới giáp ranh xã Phúc Thọ	108
2	Khu vực 2	
2.1	Đường liên kế khu trung tâm trụ sở UBND xã tới ngã ba trại giống (Đường trung tâm giao viên vòng sau UBND xã tới trại giống)	360
2.2	Đường từ ngã ba Tân Lim tới giáp cầu máng đi xã Đa Đồn	144
2.3	Đường từ ngã ba trại giống tới cầu khỉ giáp huyện Đức Trọng	
	Đường từ ngã ba trại giống tới hội trường thôn Hà Trung (thửa số 52, TBD 32)	120
	Đường từ hội trường thôn Hà Trung tới nhà ông Hoàng Thành Đô (thửa số 226, TBD 32)	96
	Từ nhà ông Hoàng Thành Đô (thửa số 226, TBD 32) đến cầu khỉ giáp xã Tân Thành - Đức Trọng	72
2.4	Từ ngã Ba nhà ông Sự tới hội trường thôn Mỹ Hoà ( thửa số 332, TBD 19)	120
2.5	Đường cầu Tân An đi ngã ba Tân Thuận	
	Từ cầu Tân an tới hội trường thôn Tân Hoà (thửa số 1351; TBD 22)	72
	Từ hội trường thôn Tân Hoà (thửa số 1351; TBD 22) tới giáp ngã ba Tân Thuận	48
3	Khu vực 3	
3.	Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	30
3.1	Còn lại.	18
<b>II</b>	<b>XÃ TÂN HÀ</b>	
1	Khu vực 1	
1.	Đường DT 725	
	Từ giáp xã Tân Văn đến ngã ba Phúc Hưng	240
	Từ ngã ba Phúc hưng đến ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1	360
	Ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1 đến ngã ba vào xã Phúc Thọ	540
	Từ ngã ba đi xã Phúc Thọ đến Trung tâm Y tế	1080
	Từ Trung tâm Y tế đến ngã ba cây xăng ông Bạ	1560
	Từ ngã ba cây xăng ông Bạ đến đường lên chùa Hà Lâm	1800
	Từ đường lên chùa Hà Lâm đến đất ông Nguyễn Văn Tình (Thửa 89 - tờ bản số 04)	1440
	Từ đất ông Tình (thửa 89 TBD 04) đến cổng trường cấp I Tân Hà	1080
	Từ Cổng trường C1 Tân Hà đến cổng trường C2 Tân Hà	600
	Từ cổng trường cấp 2 Tân Hà đến ngã ba Đan phượng (đường vào cột 640 - ĐZ 500 KV)	300
	Từ ngã ba Đan Phượng đến giáp xã Liên Hà	240

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
1.2	Đường liên xã Tân Hà - Liên Hà - Hoài Đức.	
	Từ ngã tư Tân Hà tới ngã ba đi xuống thôn Tân Đức	1.800
	Từ ngã ba Tân Đức đến ngã ba Nhà Thờ	1.200
	Từ ngã ba Nhà Thờ đến cột điện Trung thế số 286/128/10	480
	Từ cột điện trung thế 286/128/10 đến cột điện Trung thế số 286/128/51	240
	Từ cột trung thế 286/128/51 đến ngã ba Trần Quốc Toàn	300
	Từ ngã ba Trần Quốc Toàn đến giáp xã Liên Hà	240
1.3	Đường đi xã Phúc Thọ	
	Từ giáp đường 725 đến ngã ba (đường vào nghĩa trang)	480
	Từ ngã ba (đường vào nghĩa trang) đến ngã ba thôn Thạch Thất II	300
	Từ ngã ba thôn Thạch Thất II đến giáp xã Phúc Thọ	240
1.4	Đường đi xã Đan Phượng	
	Từ giáp đường 725 đến giáp xã Đan Phượng	180
2	Khu vực 2	
2.1	Đường thôn liên trung	
	Đoạn giáp xã Tân Văn đến thôn Thạch thất 2	36
	Đoạn đường giáp xã Tân văn đến thôn Phúc Hưng	60
	Đoạn giáp TL 725 lên Đài truyền hình	84
	Đoạn từ Đài truyền hình đến hết thôn Phúc Hưng	42
	Đoạn từ TL 725 đến hết thôn Phúc thọ I (Nhà ông Bảy)	120
	Đoạn từ đường ĐT 725 vào 300 m (Đất ông Trí)	120
	Đoạn từ 300m đến hết đường xóm 2	30
	Đoạn đối diện TTY Tế vào 500m	180
	Đoạn từ cây xăng ông Ba đến đỉnh dốc	480
	Đoạn từ đỉnh dốc đến giáp đường đi xã Phúc Thọ	240
	Đoạn từ đỉnh dốc đến hết nhà ông Nhâm	480
	Đoạn từ ngã tư Tân Hà đến hết cổng thôn Thạch Thất I	600
2.2	Đường thôn Phúc Hưng	
	Đoạn đường giáp ĐT 725 vào 500m	120
	Đoạn đường từ 500m đến hết thôn Phúc Hưng giáp xã Tân Văn	42
2.2	Đường thôn Phúc Thọ I	
	Đoạn đường từ giáp thôn Liên trung đến phân trường Tiểu Học Tân Hà 2	42
2.2	Đường thôn Tân Trung	
	Đoạn đường từ ĐT 725 đến chùa Hà Lâm	480
	Đoạn từ đường ĐT 725 (nhà ông Đức) vào 200m	240

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	Đoạn từ đường ĐT 725 (đất ông Khiêm) đến ngã tư	120
	Đoạn từ ngã tư đến đường đi xã Hoài đức	
2.5	Đường thôn Thạch Thất I	
	Đoạn từ cổng văn hoá giáp thôn Liên Trung đến giáp thôn thạch Tấn	36
	Đoạn đường từ nhà ông Đức vào 200m đến giáp thôn Thạch Tấn	36
2.6	Đường thôn Tân Đức	
	Đoạn đường từ đường đi xã Hoài đức đến 300m (ông Lân)	360
	Đoạn đường đi cổng thôn Tân Đức vào 200m đến giáp thôn Thạch Tấn	120
2.7	Đường thôn Đan Phượng I	
	Đoạn đường từ giáp đường ĐT 725 đến giáp đất ông Thông	180
	Đoạn đường từ hết đất ông Thông đến hết đường đi xã Đan Phượng	42
	Đường từ ĐT 725 đi vào bãi đá thôn Phúc Thọ II	36
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
II	XÃ HOÀI ĐỨC	
1	Khu vực 1	
1.1	Đường Tân Hà – Tân Thanh	
	Từ ngã ba Nhà Thờ vào tới 200m	420
	Từ 200m đến cổng Nghĩa Địa	240
	Từ cổng Nghĩa địa đến ngã ba(nhà ông Toàn)	144
	Từ ngã ba (nhà ông Toàn) đến cầu đập gần UB	180
	Từ cầu đập gần UB đến ngã 4 Thôn 5 (nhà ông Công)	240
	Từ ngã 3 thôn 5 đến giáp xã Tân Thanh	144
1.2	Đường liên xã Tân Hà - Hoài Đức - Liên Hà	
	Từ ngã ba Nhà Thờ đến cột điện Trung thế số 286/128/10	360
	Từ cột điện trung thế 286/128/10 đến ngã ba vào thôn 2 (giáp nhà ông Vinh)	204
	Từ ngã ba vào thôn 2 (giáp nhà ông Vinh) đến ngã ba giáp nhà ông Tuý	180
	Từ ngã ba giáp nhà ông Tuý đến ngã ba Trần Quốc Toàn	240
2	Khu vực 2 (Đường liên thôn)	
	Từ ngã 3 Trần Quốc Toàn đến ngã 3 vào nghĩa địa thôn 4	120
	Đường Từ ngã 3 vào nghĩa địa thôn 4 đến đập Đa Sa	48
	Từ ngã tư (cổng UB) đến ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1	60
	Từ ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1 đến đường liên xã(nhà cô Thu)	84
	Từ ngã ba thôn Vinh Quang (nhà ông Chí ) đến ngã ba lên chùa Vạn Thiện	240



STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	Từ ngã ba thôn 6 (nhà ông Tùng) đến ngã ba (giáp đất ông Chạy)	60
	Ngã ba đôi đầu đến đất nhà ông Hoà	60
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>IV XÃ TÂN THANH</b>		
1	Khu vực 1 (Đường Tân hà - Tân thanh)	
	Từ giáp xã Hoài Đức đến ngã ba thôn Đông Thanh	120
	Từ ngã ba thôn Đông Thanh đến đất ông Quế	144
	Từ đất ông Quế đến cầu UBND xã cũ	180
	Từ cầu UBND xã cũ đến cuối dốc Vất	144
	Từ chân dốc Vất đến đỉnh dốc Vất	60
2	Khu vực 2 (Đường liên thôn)	
	Thôn Tân An đi thôn Thanh Hà	48
	Thôn Thanh Hà đi thôn Tân Bình	72
	Thôn Thanh Hà đi thôn Bằng Sơn	36
	Thôn Tân An đi thôn Thanh Bình	36
	Thôn Tân An đi thôn Đoàn Kết	48
	Thôn Hoà Bình đi thôn Tân An	36
	Thôn Đông Thanh đi thôn Đoàn Kết	48
	Thôn Thanh Bình đi thôn Phi Tô	36
	Thôn Hoà Bình đi thôn Thác Bụi	90
	Thôn Com Pang đi thôn Tân Bình	48
	Thôn Tân Bình đi thôn Tân Hợp	60
	Đoạn đường từ Long Lan đi thôn Tân Bình	120
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>V XÃ LIÊN HÀ</b>		
1	Khu vực 1	
1.1	Đường ĐT 725	
	Từ giáp xã Tân Hà tới cột 3 thân 500 KV	84
	Từ cột 3 thân 500 KV đến Hồ	120
	Từ hồ tới trường cấp II	72
1.2	Đường liên xã Tân Hà - Hoài Đức - Liên Hà	

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	Từ giáp xã Tân Hà tới ngã ba đi thôn Phúc Thọ	144
	Từ ngã ba đi thôn Phúc Thọ đến cổng trường C2	108
	Từ cổng trường C2 đến cổng trường Lán Tranh II	156
	Từ cổng trường Lán Tranh II đến ngã ba ông Nhâm	120
	Từ ngã ba nhà ông Nhâm đến đỉnh dốc suối Lạnh	96
2	Khu vực 2	
2.1	Đường từ ngã ba Trần Quốc Toàn đi đập Đa Sa	
	Đường từ ngã ba Trần Quốc Toàn đến hết trường Trần Quốc Toàn	120
	Từ hết Trường Trần Quốc Toàn đến đối diện phân trường Hoài Đức	60
	Từ phân trường Hoài Đức đến ngã ba ông Sánh (thửa 362, TBD 37)	72
	Đoạn còn lại	48
2.2	Đường từ ngã ba xương cá đi thôn Chiên 1 hàng	
	Từ ngã ba xương cá vào 300m (thửa 32, 337, TBD 56)	120
	Đoạn từ 300m (thửa 32, 337, TBD 56) - thôn Liên Kết	60
	Đoạn còn lại	36
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
V	<b>XÃ PHÚC THỌ</b>	
1	Khu vực 1 (Đường Tân Hà - Tân thanh)	
	Từ giáp xã Tân Hà tới ngã ba Dực Liệu	120
	Từ ngã ba Dực Liệu tới Đập hồ Phúc Thọ	144
	Từ đập Hồ Phúc Thọ tới ngã ba đi Hoài Đức	240
	Từ ngã ba đi Hoài Đức tới ngã ba đi Lâm Bô	180
	Từ giáp xã Tân Văn đến ngã ba Dực Liệu (đường Tân Văn - Phúc Thọ)	108
2	Khu vực 2 (Đường thôn - Đường liên thôn)	
	Đường từ ngã ba NT vào Thủy điện Sardeung	72
	Đường từ ngã ba bà Tắc vào thôn Đa Pe	60
	Đường từ ngã ba đi Hoài Đức đến giáp xã Hoài Đức	60
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
VII	<b>XÃ ĐAN PHƯỢNG</b>	
I	Khu vực 1	
	Từ giáp xã Tân Hà đến cổng trường Cấp II	72

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	Từ cổng trường Cấp II đến hết nghĩa địa thôn 2	60
	Từ Tân Hà đến hết trường Mẫu giáo thôn 3	72
	Từ Trường Mẫu giáo thôn 3 đến ngã ba trường cấp 1	60
	Đoạn còn lại	48
2	Khu vực 2	
	Các đường liên thôn xe 04 bánh ra vào được.	36
3	Khu Vực 3	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>VII</b>	<b>XÃ GIA LÂM</b>	
1	Khu vực 1	
1.1	Đường ĐT 725	
	Từ TT Nam Ban đến ngã ba đi Thôn 5	600
	Từ cổng văn hoá thôn 4 tới trường Mẫu giáo	360
	Từ trường Mẫu giáo tới cổng văn hoá thôn 3	240
	Từ cầu Suối cạn đến đỉnh dốc Đá thôn I	120
	Từ hồ thôn I đến giáp Đức Trọng	84
1.2	Đường đi xã Đông Thanh	
	Từ giáp đường ĐT 725 đến xã Đông Thanh	60
2	Khu vực 2	
2.1	Khu vực chợ Gia Lâm	
	Từ trạm thuế đến đất ông Truyền (thửa 154, TBD 11)	120
	Từ đất ông Đình (thửa 31, TBD 11) đến đất ông Hiến (thửa 27, TBD 17)	84
	Từ đất ông Hiến (thửa 27, TBD 17) đến đất bà Doan (thửa số 52, TBD 11)	120
	Từ đất bà Doan (thửa số 52, TBD 11) đến ngã tư ông Quý (thửa số 39, TBD 11)	144
	Từ ngã tư ông Quý (thửa số 39, TBD 11) đến trại tầm tơ An	60
2.2	Đường từ ngã tư ông Phà (thửa số 49, TBD 11) đến đất ông Truyền (thửa số 71, TBD 11)	42
2.3	Ngã ba đi kho xăng KA2 đến ngã ba ông Vương (thửa số 323, TBD 02)	42
2.4	Đường liên thôn 3, thôn 4 - Gan Thi	
	Từ ngã tư ông Qùy (thửa số 276, TBD 04) đến ngã tư ông Toản (thửa số 321,	48
	Từ ngã tư ông Toản (thửa số 321, TBD 03) đến cầu Gan Thi	36
	Từ ngã tư đi thôn 5 đến phân trường thôn 5	42
3	Khu vực 3	

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>IX</b>	<b>XÃ MÊ LINH</b>	
1	Khu vực 1 (Đường ĐT 725)	
	Từ TT. Nam Ban đến ngã ba vào xóm Trại Gà (thôn 2)	84
	Từ ngã ba vào xóm Trại Gà đến Hồ Thôn 2	120
	Từ Hồ Thôn 2 đến trường tiểu học Mê Linh	144
	Từ tiểu học Mê Linh tới ngã ba đi Bãi Đá (đi thôn 2)	180
	Từ ngã ba đi Bãi Đá tới ngã ba đi Đồi Tùng	156
	Từ ngã ba đi Đồi Tùng đến cầu Cam Ly	192
2	Khu vực 2	
2.1	Đường từ Từ Liêm vào thôn 1	120
2.2	Đường từ ngã ba Bãi đá thôn 3 đến hang hốt, buôn chuối	84
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>X</b>	<b>XÃ NAM HÀ</b>	
1	Khu vực 1	
1.1	Đường Nam ban – Phi Tô	
	Từ giáp TT Nam Ban đến ngã ba đi Hoàn Kiếm I	48
	Từ ngã ba thôn Hoàn Kiếm I đến ngã ba đi thôn Hoàn Kiếm II, Hoàn Kiếm III	72
	Từ ngã ba đi Hoàn Kiếm II và Hoàn Kiếm III tới ngã ba đối diện trụ sở UBND Xã	84
	Từ ngã ba đối diện trụ sở UBND Xã đến bưu điện văn hóa xã	108
	Từ Bưu điện văn hóa xã tới cổng trường Cấp I Nam Hà	60
	Đoạn còn lại	36
1.2	Đường Nam Hà - Đình Văn	
	Từ ngã 3 bà Tốn (thửa 80, TBD 17) đến hết đất nhà ông Kiều Công Bình (thửa 30, TBD 17)	48
	Từ hết đất nhà ông Kiều Công Bình (thửa 30, TBD 17) đến giáp TT Đình Văn	36
	Khu vực 2	
	Đường ngã ba đi thôn HK 2,3 đến hết thửa 123, TBD 27 đến hết thửa 12, TBD 27	48
	Đường liên thôn Hoàn kiếm 2 từ thửa 118, TBD 21 đến gét thửa 47, TBD 23	36



STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	Đường liên thôn Hoàn kiếm II (từ thửa 118, TBD 21 đến hết thửa 47, TBD 23)	36
	Đường từ thửa 136, TBD 27 đến hết thửa 186 TBD 27	48
	Đường từ hết thửa 186 TBD 27 đến thửa 02, TBD 24	36
	Đường đi thôn Hai Bà Trưng và thôn Nam Hà	36
	Đường liên thôn đi thôn Hai Bà Trưng	36
	Đường liên thôn Hoàn kiếm I đi thôn Sóc sơn (thửa 124, TBD 16 đến hết thửa số 47, TBD 17)	36
	Đường từ ngã ba ông Trần Văn Thành (thửa số 24, TBD 23) đến ngã ba ông Tân Văn Ngời ( thửa số 2, TBD 24)	36
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>XI</b>	<b>XÃ ĐÔNG THANH</b>	
1	Khu vực 1	
1.1	Đường Gia Lâm – Đông Thanh	
	Từ giáp xã Gia Lâm đến ngã ba vào thôn Thanh Trì và Trung Hà	120
	Từ ngã ba vào thôn Thanh Trì và Trung Hà đến ngã tư đường đi Tầm Xá	180
	Từ ngã tư đường đi Tầm Xá đến cầu sắt Tiền Lâm	120
	Từ cầu sắt Tiền Lâm tới TT Nam Ban	180
	Khu vực 2	
1.2	Đường Trung Hà - Đông hà	60
	Giáp đường liên xã đến hết đường TH Đông Thanh I	60
	Từ hết trường Đông Thanh I - giáp đường liên xã (Hội trường thôn Đông anh)	42
1.3	Đường từ ngã tư đi Tầm xá - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Chiến	
1.4	Đường từ ngã tư đi Tầm Xá - ngã tư nhà ông Nguyễn Văn Hải (thửa 226, TBD 04)	48
	Từ ngã tư nhà ông Nguyễn Văn Hải (thửa 226, TBD 04) - ngã ba (Bốt điện Tầm xá)	36
	Từ ngã ba (Bốt điện Tầm xá) - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Chiến giáp đường liên xã	48
	Từ ngã ba vào thôn Thanh Trì và Trung hà - ngã tư giáp ông Khúc Lưu Luyến (thửa 156, TBD 07)	36
	Từ ngã tư đi bốt điện Thanh trì - ngã ba nhà bà Dương Thị Hưu (thửa 369, TBD 09)	36
	Từ cổng Văn hoá thôn Thanh Hà - cầu treo đi TT Nam Ban	34

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá tất
	Ngã ba giáp ranh Gia Lâm và Thanh trì , Đông thanh - ngã ba nhà ông Nguyễn Trọng Tình (thửa 101, TĐĐ 08)	34
	Từ ngã ba nhà ông Trần Văn Mụi giáp đường liên xã - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Năm (thửa 116, TĐĐ 06)	30
	Từ ngã ba nhà ông Trần Quảng Bình giáp đường liên xã - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Bình (thửa 272, TĐĐ 05)	34
	Từ ngã ba (cầu Tâm xá) đến ngã ba nhà ông Trương hữu Kiên (Thửa 227;	42
	Từ ngã ba (Tổng đội ) đi dốc ba Mão đến giáp âm Ban (thửa 63, TĐĐ 03)	42
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>XII</b>	<b>XÃ PHI TÔ</b>	
1	Khu vực 1	
1.1	Đường Nam Ban – Phi Tô – Dạ Đồn	
	Từ giáp xã Dạ Đồn đến cầu Suối Cạn	36
	Từ cầu Suối Cạn đến cống giữa thôn I và thôn II	60
	Từ cống giữa thôn I và thôn II đến ngã ba đi đồi Sim (thửa 328, TĐĐ số 4, BĐ địa chính xã Phi Tô)	84
	Từ ngã ba đi đồi Sim đến cầu thôn 4	60
	Từ cầu thôn 4 đến giáp xã Nam Hà	48
2	Khu vực 2	
2.1	Đường cấp phối thôn 5 từ nhà bà Bùi Thị Bốn (thửa 579, TĐĐ) - nhà ông Thọ (tờ 53, thửa 04)	36
2.2	Đường cấp phối thôn 1,2,6 từ nhà Vi Ngập Tiên (thửa 222, TĐĐ 2) đến nhà KBông (Thửa 561, tờ 03)	36
2.3	Đường cấp phối thôn 3 từ nhà ông Nông Văn Bồn (thửa 71, TĐĐ 7) đến (thửa 15, TĐĐ 7 ; thửa 38 TĐĐ 7).	36
2.4	Đường cấp phối thôn 2 vào trường TH Phi Tô từ (thửa 701, TĐĐ 04; thửa 242, TĐĐ 04) đến thửa 251, TĐĐ 4)	42
2.5	Phần đường cấp phối còn lại của 3 đường trên	36
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>XIII</b>	<b>XÃ ĐẠ ĐỒN.</b>	
1	Khu vực 1	
1.1	Quốc lộ 27	
	Từ giáp TT Đình Văn đến hết Lò gạch ông Vân (thửa 644, TĐĐ số 35, BĐ địa chính xã Dạ Đồn)	840

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	Từ lã gạch ông Vân (thửa 644, TBD 35, BD địa chính xã Đa Đồn) đến Cầu Đam Pao	480
	Từ cầu Đam Pao đến cống thủy lợi qua đường - Trụ sở UBND xã	360
	Từ cống thủy lợi qua đường - Trụ sở UBND xã đến cống An Phước	264
	Từ cống An phước đến cống đầu thôn Tân tiến (nhà ông Trần Minh Khoa) (thửa 480, TBD 17, BD địa chính xã Đa Đồn)	240
	Từ cống đầu thôn Tân Tiến đến cống hộp Thủy Lợi	264
	Từ cống hộp Thủy Lợi đến cầu Đa đồn	600
1.2	Đường Đa Đồn - Phi Tô	
	Từ ngã ba RLớn đến chân dốc RLớn (Nhà ông Huyền- Thửa 112, TBD 11)	360
	Từ nhà ông Huyền (Thửa 112, TBD 11) đến nhà ông Hậu Lộc (thửa 19, TBD 5)	120
	Từ nhà ông Hậu Lộc (thửa 19, TBD 5) đến nhà ông Phong Lai (thửa 176, TBD số 5)	84
	Từ nhà ông Phong Lai (thửa 176, TBD số 5) đến chân dốc Phi Tô	72
2	Khu vực 2	
	Đường từ QL 27 đi xóm Bến tre	60
	Đường từ chùa An phước (QL 27) đi xóm Đaknang	72
	Từ cống thôn Tân Lâm đến cống thủy lợi ( đường vào trường DTNT)	96
	Đường từ QL 27 (quán ông Bốn) vào thôn 2 Đa nung A	96
	Đoạn từ QL 27 vào thôn Đam Pao	96
	Đường TL725 dốc núi Phi Tô vào thôn Đa Ty	60
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>XII</b>	<b>XÃ PHÚ SƠN</b>	
I	Khu vực 1	
1.1	Quốc lộ 27	
	Từ cầu Đa Đồn đến núi Đồi	240
	Từ núi Đồi đến bưu điện Phú Sơn	240
	Từ Bưu điện Phú Sơn đến ngã ba vào Cấp 1 Phú Sơn	360
	Từ ngã ba vào Cấp 1 Phú Sơn đến xưởng chè nhà Gái Ngộ (thửa 45, TBD 24, BD địa chính xã Phú Sơn).	180
	Từ xưởng chè gái Ngộ (thửa 45, TBD 24, BD địa chính xã Phú Sơn) đến ngã ba thôn PReTeng.	216
	Từ ngã ba thôn PReTeng đến nghĩa địa thôn Lạc Sơn.	144

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá
	Từ nghĩa địa thôn Lạc Sơn đến đèo Phú Mỹ.	96
2	Khu vực 2	
2.1	Đường từ Núi đôi đi đội Quyết Thắng	120
	Từ QL 27 đến cầu Rteng	60
	Từ cầu Rteng đến hết thôn Rteng1 và Rteng 2	84
2.2	Đường từ bưu điện đến công ty Trần Vũ	84
2.3	Đường từ chợ Ngọc sơn vào thôn Ngọc sơn 1	120
2.4	Đường từ QL27 vào xưởng chè Ngọc phú	84
3	Khu vực 3	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18



**C. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP:** Đất phi nông nghiệp được xác định theo từng mục đích sử dụng:

- Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật, bằng giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất được quy định tại Phần A và Phần B nêu trên.
- Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, bằng 60% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất được quy định tại Phần A và Phần B nêu trên.
- Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và các loại đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp, bằng 85% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất được quy định tại điểm 2 Phần C trên đây.
- Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, bằng 50% mức giá của đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất được quy định tại điểm 2 Phần C trên đây.

## C. ĐẤT NÔNG NGHIỆP.

Khu vực I: Thuộc địa bàn thị trấn Đình Văn và Nam Ban.

Khu vực II: thuộc địa bàn các xã Gia Lâm, Đông Thanh, Mê Linh, Nam Hà, Tân Văn, Đa Đông, Đại Sơn, Tân Hà, Hoài Đức, Phúc Thọ, Tân Thanh (trừ các thôn vùng 3 của các xã).

Khu vực III: thuộc địa bàn các xã Phi Tô, Đan Phượng, Liên Hà và các thôn vùng 3 của các xã.

### 1. Đất trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản.

Đơn vị tính : ngàn đồng/m<sup>2</sup>

STT	Khu vực	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	30	24	15
2	Khu vực 2	24	19	12
3	Khu vực 3	15	12	8

### 2. Đất cây lâu năm.

Đơn vị tính : ngàn đồng/m<sup>2</sup>

STT	Khu vực	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	24	19	12
2	Khu vực 2	19	15	10
3	Khu vực 3	12	10	6

Vị trí 1: là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường liên xã trong phạm vi 500m.

Vị trí 2: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, đường liên huyện và đường giao thông liên xã trong phạm vi trên 500m đến 1.000 mét.

Vị trí 3: Các vị trí còn lại.

### 3. Các trường hợp sau đây, giá đất được quy định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây, lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn

Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

### 4. Các trường hợp sau giá đất được quy định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các thị trấn.

Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

## D. ĐẤT LÂM NGHIỆP:

### 1. Đất rừng sản xuất:

STT	Vị trí	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
	Đơn giá	10	8	5

Vị trí 1: là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ;

Vị trí 2: là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã;

Vị trí 3: là những diện tích đất còn lại.

**2. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng cảnh quan:**

a. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Tính bằng 90% giá đất cùng vị trí của đất rừng sản xuất.

b. Đất rừng cảnh quan: Tính bằng 110% giá đất cùng vị trí của đất rừng sản xuất.

